

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 220/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2016

THÔNG TƯ**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư***Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp, tổ chức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư.

Điều 2. Người nộp phí, lệ phí

1. Cá nhân khi đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề luật sư phải nộp phí, lệ phí theo quy định.

2. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài khi đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép hành nghề của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài; công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài; công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh; công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam (sau đây gọi tắt là tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam) phải nộp phí theo quy định.

3. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam khi đề nghị thay đổi nội dung hành nghề phải nộp phí theo quy định.

4. Chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam khi đề nghị cấp, cấp lại, thay đổi nội dung hành nghề của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam phải nộp phí theo quy định.

5. Luật sư nước ngoài khi đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép hành nghề tại Việt Nam phải nộp phí theo quy định.

6. Luật sư nước ngoài khi đề nghị gia hạn hành nghề tại Việt Nam phải nộp phí theo quy định.

7. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam khi đề nghị cấp, cấp lại, thay đổi nội dung hoạt động phải nộp phí theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí

1. Cục Bảo trợ tư pháp (Bộ Tư pháp) thu phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực luật sư theo quy định tại mục 1; mục 2a, 2b, 2c, 2d, 2đ và mục 2e Điều 4 của Thông tư này.

2. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thu phí, lệ phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực luật sư theo quy định tại mục 2g, 2h, 2i và mục 2k Điều 4 của Thông tư này.

Điều 4. Mức thu phí, lệ phí

Mức phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động hành nghề luật sư như sau:

Stt	Nội dung thu	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề luật sư	100.000
2	Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực luật sư	
a	Thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề luật sư	800.000
b	Thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam	20.000.000
c	Thẩm định điều kiện thay đổi nội dung hành nghề của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam	4.000.000
d	Thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề; thay đổi nội dung hành nghề của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	3.000.000
đ	Thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam	5.000.000
e	Thẩm định điều kiện gia hạn hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam	3.000.000
g	Thẩm định điều kiện hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam	2.000.000